

Số: 35 /TB-TCKT

Cổ Thành, ngày 04 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc công bố công khai số liệu Thu- chi ngân sách
6 tháng năm 2023 của UBND phường Cổ Thành

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Công văn số 1005/STC-KHNS ngày 09/5/2017 của Sở Tài chính Hải Dương về việc hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5307/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Chí Linh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân phường Cổ Thành “Về việc phê chuẩn phân bổ dự toán thu – chi ngân sách năm 2023”;

UBND phường Cổ Thành thông báo tới Đảng ủy, các tổ chức chính trị xã hội, các trường KDC và nhân dân trên địa bàn phường về việc công bố công khai số liệu Thu- chi ngân sách 6 tháng năm 2023 của UBND phường Cổ Thành theo các mẫu biểu đính kèm. Được niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH TP Chí Linh;
- BCH Đảng ủy, TT HĐND, UBND;
- MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội;
- Đài truyền thanh phường;
- Các KDC;
- Lưu : VP.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Cường

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: UBND phường Cổ Thành

Chương:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cổ Thành, ngày 04 tháng 7 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

UBND phường Cổ Thành công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng năm 2023 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	13	11,224	86,34	108,57
I	Số thu phí, lệ phí	13	11,224	86,34	108,57
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	13	11,224	86,34	108,57
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.796,160	2.358,826	40,70	24,82
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.796,160	2.358,826	40,70	24,82
1	Chi quản lý hành chính	5.183,071	2.097,206	40,46	22,61
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.183,071	2.059,356	39,73	170,62
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		37,85		0,47
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11,9	1,3	10,92	180,56
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11,9	1,3	10,92	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	5	0		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5	0		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội	441,4886	203,2443	46,04	122,47
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	441,4886	203,2443	46,04	122,47
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	49	0	0,00	0,00
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	49	0	0,00	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	30	30	100,00	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	30	30	100,00	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	27,7	7,61	27,47	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	27,7	7,61	27,47	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	43	19,4662	45,27	92,83
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	43	19,4662	45,27	92,83
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	5	0	0,00	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5	0	0,00	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ngày 04 tháng 7 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Cường

Cổ Thành, ngày 03 tháng 7 năm 2023

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2023

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 6 tháng đầu năm 2023

Tổng thu NSNN thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 là 11,64 tỷ đồng đạt 133,15% kế hoạch năm 2023. Trong đó:

- + Thu chuyển nguồn năm 2022 sang 2023 là 8,28 tỷ đồng.
- + Thu Bổ sung từ ngân sách cấp trên: 2,865 tỷ đồng
- + Các khoản giao thu cân đối tại địa phương đã thực hiện 204,819 triệu đồng đạt 117,9% kế hoạch.
- + Các khoản giao thu cân đối theo tỷ lệ phân chia của tỉnh thực hiện đạt 41,4% kế hoạch.
- + Thu tiền sử dụng đất là 281,388 triệu đồng đạt 9,57% kế hoạch giao.

(Chi tiết có biểu kèm theo)

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chi NSNN 6 tháng đầu năm 2023

Tổng chi NSNN thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 là 2,36 tỷ đồng phục vụ các hoạt động chi thường xuyên. Bao gồm:

- Chi an ninh trật tự: 169,19 triệu đồng đạt 43,04% dự toán
- Chi quân sự địa phương: 309,55 triệu đồng đạt 59,86% dự toán
- Chi sự nghiệp truyền thanh: 19,47 triệu đồng đạt 45,27% dự toán
- Chi sự nghiệp văn hoá: 7,61 triệu đồng đạt 27,47% dự toán
- Chi sự nghiệp xã hội: 203,24 triệu đồng đạt 46,04% dự toán
- Chi sự nghiệp giáo dục: 1,3 triệu đồng đạt 10,92% dự toán
- Chi sự nghiệp môi trường: 30 triệu đồng đạt 100% dự toán
- Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: 1,544 tỷ đồng đạt 38,26% dự toán
- Chi các tổ chức xã hội khác (Hội CTĐ, NCT, khuyến học, cựu TNXP, NN CĐ đa cam): 74,077 triệu đồng đạt 61,57% dự toán.

(Chi tiết có biểu kèm theo)

III. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ thu – chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn

1. Thu ngân sách

Các chỉ tiêu giao thu cân đối chi thường xuyên trên địa bàn 6 tháng đầu năm thực hiện hiện 204,819 triệu đồng đạt 117,9%, vượt 17,9% so với kế hoạch năm 2023 được giao và vượt 437,67% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó chỉ tiêu thu HLCS vượt 708% so với 6 tháng đầu năm 2022; thu phí, lệ phí vượt 8,57% so với 6 tháng đầu năm 2022.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, được bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên các nội dung sau:

- Bổ sung kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi: 37.850.000đ
- Bổ sung kinh phí hỗ trợ số hóa dữ liệu hộ tịch: 8.000.000đ

2. Chi ngân sách

Nhiệm vụ chi ngân sách đã sử dụng đúng dự toán được giao, ngân sách cấp trên có sự bổ sung kịp thời cho các nhiệm vụ phát sinh có mục tiêu, đảm bảo chi đúng chế độ hiện hành.

Trên đây là Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2021 của UBND phường Cổ Thành.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy -HĐND-UBND (để b/c);
- Đài truyền thanh phường (để thông báo);
- Lưu: VP.

TM. UBND PHƯỜNG

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Cường

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG 6 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	8.736.160.000	11.595.053.510	132,72
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	135.000.000	124.462.930	92,19
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.978.730.000	370.470.386	12,44
3	Thu bổ sung	5.622.430.000	2.820.000.000	50,16
	- Thu bổ sung cân đối	5.622.430.000	2.820.000.000	50,16
	- Thu bổ sung có mục tiêu		45.850.000	
4	Thu chuyển nguồn		8.280.120.194	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	-	
II	TỔNG SỐ CHI	8.736.160.000	2.358.826.369	27,00
1	Chi đầu tư phát triển	2.940.000.000		0,00
2	Chi thường xuyên	5.796.160.000	2.358.826.369	40,70
3	Dự phòng			0,00



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG 6 THÁNG NĂM 2023

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN NĂM		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
A	B						
	TỔNG THU	8.736.160.000	8.742.230.000	11.632.177.580	11.632.177.580	133,15	133,06
I	Các khoản thu 100%	135.000.000	135.000.000	115.737.000	115.737.000	85,73	85,73
	Phí, lệ phí	13.000.000	13.000.000	11.224.000	11.224.000	86,34	86,34
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	77.000.000	77.000.000	104.513.000	104.513.000	0,00	0,00
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	-	-	-	-	0,00	0,00
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-	-	-	-	0,00	0,00
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	-	-	-	-	0,00	0,00
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-	-	-	-	0,00	0,00
	Thu khác	45.000.000	45.000.000	-	-	-	-
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.978.730.000	2.984.800.000	370.470.386	370.470.386	12,44	12,41
I	Các khoản thu phân chia	38.730.000	44.800.000	89.082.386	89.082.386	230,01	198,84
	- Thuế thu nhập cá nhân	13.350.000	13.350.000	30.917.537	30.917.537	231,59	231,59
	- Thuế giá trị gia tăng	25.380.000	25.380.000	49.438.919	49.438.919	194,79	194,79
	- Các khoản thu điều tiết khác			8.725.930	8.725.930		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	2.940.000.000	2.940.000.000	281.388.000	281.388.000	0,00	0,00
	- Thu tiền sử dụng đất	2.940.000.000	2.940.000.000	281.388.000	281.388.000		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-	-	-	-	0,00	0,00
IV	Thu chuyển nguồn	-	-	8.280.120.194	8.280.120.194	0,00	0,00
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	-	-	-	0,00	0,00
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.622.430.000	5.622.430.000	2.865.850.000	2.865.850.000	50,97	50,97
	- Thu bổ sung cân đối	5.622.430.000	5.622.430.000	2.820.000.000	2.820.000.000	50,16	50,16
	- Thu bổ sung có mục tiêu	-	-	45.850.000	45.850.000	0,00	0,00

ĐÓNG THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG 6 THÁNG NĂM 2023



Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN NĂM			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	8.736.160.000	2.940.000.000	5.796.160.000	2.358.826.369	-	2.358.826.369	27,00		40,70
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	11.900.000		11.900.000	1.300.000		1.300.000	10,92		10,92
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-		-			
3	Chi y tế	5.000.000		5.000.000	-		-			
4	Chi văn hóa, thông tin	27.700.000		27.700.000	7.610.000		7.610.000			27,47
5	Chi phát thanh, truyền thanh	43.000.000		43.000.000	19.466.200		19.466.200	45,27		45,27
6	Chi thể dục thể thao	5.000.000		5.000.000	-		-			-
7	Chi bảo vệ môi trường	30.000.000		30.000.000	30.000.000		30.000.000	100,00		100,00
8	Chi các hoạt động kinh tế	49.000.000		49.000.000	-		-			-
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể, DQTT, ANTT	4.946.616.600		4.946.616.600	2.023.128.469		2.023.128.469	40,90		40,90
10	Chi cho công tác xã hội	441.488.600		441.488.600	203.244.300		203.244.300	46,04		46,04
11	Chi khác	82.454.800		82.454.800	74.077.400		74.077.400	89,84		89,84
12	Dự phòng	154.000.000		154.000.000	-		-			-